

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 727/2024/DS-PT

Ngày: 09 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng  
đất và thực hiện nghĩa vụ do người chết  
để lại

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Minh

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Trần Ngọc Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/9/2024 đến ngày 09/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2024/TLPT-DS ngày 13/5/2024 về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2276/2024/QĐ-PT ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Puhakka Thi Lan P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: B C, L, Australia (Úc).

2. Ông Bui Thanh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: K, D S, F (Phân Lan).

3. Ông Bui A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: T A C V, S (Thụy Điển).

4. Bà Bui Thi Le T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: H 54 A 19, 00500 H, F (Phần Lan).

5. Ông Bui Thanh T2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: P C, 00560 H, F (Phần Lan).

Người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T3, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số D Đường số A, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A Đường số I, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1992.

Địa chỉ: P tầng 2 Tòa nhà I, số D đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bùi Ngọc Bích T5, sinh ngày 31/8/2007.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T5: Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A Đường số I, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà N, Thi L1 (Nguyễn Thị L2), sinh năm 1950.

Địa chỉ: U S, 0610 V (Phần Lan).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Quyết T6, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số E Đường số A, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số F - F Q, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà N, T (Nguyễn Thị L2).

(Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T4 và ông Trần Quyết T6 có mặt, các đương sự còn lại đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Cha của bà Puhakka Thi L3 Phuong tên Bùi Đức T7 sinh năm 1947 đã sinh sống tại Phần Lan đến năm 2008 sau khi ly hôn với mẹ của bà Puhakka Thi Lan P, thì ông về Việt Nam và kết hôn với bà Phạm Thị Mỹ L. Ngày 22/06/2022 ông T7 có mua được một ngôi nhà tại thửa đất số 5909 tờ bản đồ số 4 tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Số tiền ông T7 mua nhà là hoàn toàn do tiền trợ cấp lao động từ nước ngoài, do anh em bà Puhakka Thi L3 Phuong đóng góp chuyển về cho ông trong thời kỳ hôn nhân với bà Phạm Thị Mỹ L. Bà L không có đóng góp vào tài sản của ông Bùi Đức T7 vì bà chỉ làm việc nội trợ. Ngày 27/9/2022 ông Bùi Đức T7 chết không để lại di chúc ngôi nhà trên. Nay bà Puhakka Thi Lan P biết bà Phạm Thị Mỹ L đang định sang tên ngôi nhà trên theo thừa kế. Bà Puhakka Thi Lan P yêu cầu dừng ngay việc sang tên căn nhà, vì bà Phạm Thị Mỹ L đã vi phạm thỏa thuận và đang làm trái pháp luật. Bà Puhakka Thi Lan P không chấp nhận và khởi kiện bà Phạm Thị Mỹ L ra Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bà Puhakka Thi Lan P là con gái của ông Bùi Đức T7 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết vụ việc sau: Phân chia di sản của ông Bùi Đức T7 để lại theo pháp luật những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T7 bằng nhau và không để bà Phạm Thị Mỹ L chiếm hữu toàn bộ căn nhà, vì đây là tài sản riêng của ông Bùi Đức T7.

Ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật thành 07 (bảy) phần bằng nhau theo hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Phạm Thị Mỹ L và 06 (sáu) người con theo đúng nội dung bà Puhakka Thi Lan P đã trình bày trong đơn khởi kiện và ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T xác nhận muốn được phân chia phần di sản thừa kế này tương ứng với giá trị tài sản được phân chia theo thừa kế. Ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T đồng ý tặng cho phần di sản được chia thừa kế của các ông, bà cho bà Puhakka Thi Lan P được toàn quyền quyết định.

*Tại đơn phản tố đề ngày 03/10/2023 của bà Phạm Thị Mỹ L, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T4 đại diện theo uỷ quyền của bà L trình bày: Bà L không đồng ý toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do sau:*

Chồng bà Phạm Thị Mỹ L là ông Bùi Đức T7 (chết ngày 27/9/2022) có để lại một phần di sản trong nhà (diện tích xây dựng là  $77,3m^2$  diện tích sàn  $273,9m^2$ ) và thửa đất số 5909, tờ bản đồ số 4, diện tích  $108m^2$ , tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DG567094 ngày 22/6/2022. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Đức T7 có 09 (chín) người gồm: Bà Vũ Thị T8 (mẹ ruột của ông T7, đã mất năm 1960), ông Bùi Đình T9 (bố ruột của ông T7, đã mất năm 1984), bà Phạm Thị Mỹ L (vợ ông T7), cháu Bùi Ngọc Bích T5 (con ruột của ông T7 và bà L) và con riêng ông T7 gồm ông Bui Thanh T2, bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T.

Ông T7 mất không để lại di chúc đối với nhà và đất nêu trên và 01 sổ tiết kiệm CKH lãi định kỳ 01 tháng kỳ hạn 13 tháng – phát lộc tài trị giá 800.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2022 tại phòng G của Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh H1. Bà L đã nhiều lần yêu cầu chia khối di sản trên theo pháp luật nhưng bà Puhakka Thi Lan P không đồng ý và ngăn cản việc chia di sản của các đồng thừa kế. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với:

+ Phần di sản của ông Bùi Đức T7 liên quan đến căn nhà (diện tích xây dựng là  $77,3m^2$ , diện tích sàn là  $273,9m^2$ ) và thửa đất số 5909 thuộc tờ bản đồ số 4, diện tích  $108m^2$  tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DG567094 ngày 22/6/2022 theo quy định của pháp luật. Trong đó, phần giá trị tài sản mà bà L được hưởng là 1/2 khối tài sản chung (tài sản chung của vợ chồng) và 1/7 khối di sản riêng của chồng bà L. Bà L yêu cầu nhận nhà, đất và hoàn lại giá trị cho các nguyên đơn.

+ Chia thừa kế đối với khối di sản là 01 sổ tiết kiệm CKH lãi định kỳ 01 tháng kỳ hạn 13 tháng – phát lộc tài trị giá 800.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2022 tại phòng G của Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh H1. Trong đó phần di sản bà L được hưởng là  $(800.000.000 \text{ đồng} / 2) + (400.000.000 \text{ đồng} / 7) = 457.142.857 \text{ đồng}$ .

*Tại văn bản trình bày ý kiến và những yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết đề ngày 20/9/2023 (đã được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 21/9/2023) của bà Nguyen Thi L4, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quyết T6 đại diện theo uỷ*

*quyền của bà L4 trình bày:* Bà Nguyễn Thị L4 và ông Bùi Đức T7 kết hôn năm 1975 và có 05 người con chung gồm: ông Bui Thanh T2, bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T. Trong thời gian sinh sống và làm việc ở nước ngoài, vợ chồng bà L4 chuyển tiền về Việt Nam để mua một số bất động sản, một trong số đó là có căn nhà gắn liền với đất tại địa chỉ: số F Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/4/2008, bà L4 và ông Bùi Đức T7 ly hôn, nhưng chưa phân chia tài sản chung là căn nhà nêu trên.

Sau đó, ông T7 chuyển về Việt Nam sinh sống và kết hôn với bà Phạm Thị Mỹ L, có con chung là Bùi Ngọc Bích T5. Hiện tại, bà L4 được biết ông T7 đã mất và các đồng thừa kế của ông T7 đang nộp đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Vì vậy, bà L4 yêu cầu sau: Buộc bà Phạm Thị Mỹ L và các đồng thừa kế của ông Bùi Đức T7 gồm các ông bà: ông Bui Thanh T2, bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T và Bùi Ngọc Bích T5 thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho bà N Thị Lam ½ căn nhà đất tại địa chỉ số F Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tạm tính của nhà đất nêu trên là 2.000.000.000 tỷ đồng, để yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Mỹ L và các đồng thừa kế của ông Bùi Đức T7 phải hoàn trả cho bà L4 là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Tại phiên toà, bà Ngô Thị Minh H đại diện cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H1 trình bày: Hiện tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H1 – Phòng G đang nhận tiền gửi tiết kiệm do ông Bùi Đức T7 đứng tên số tiền gốc 800.000.000 đồng theo như Công văn số 316/SCBGV.23.00 ngày 25/10/2023 của Ngân hàng TMCP S – Phòng G. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:***

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Mỹ L.

[3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L2 (N, T).

[4] Bà Phạm Thị Mỹ L và cháu Bùi Ngọc B Trâm được toàn quyền theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 567094, số vào sổ CS 14014 ngày 22/6/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Bùi Đức T7 đứng tên.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

[5] Bà Puhakka Thi Lan P được hưởng 05 phần (bao gồm gốc và lãi); bà Phạm Thị Mỹ L và cháu Bùi Ngọc B T5 được hưởng 02 phần (bao gồm gốc và lãi) đối với số tiền 800.000.000 đồng trong Sổ tiết kiệm có số tài khoản 06318720003 do ông Bùi Đức T7 (số CCCD/CMND/HC: 034047000878 cấp ngày 27/01/2022) đứng tên tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Buộc bà Phạm Thị Mỹ L hoàn trả cho bà Puhakka Thi L3 Phuong số tiền 1.724.456.425 đồng (một tỷ, bảy trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 06/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị một phần bản án sơ thẩm nêu trên về phần quyết định giải quyết đối với khoản tiền gửi tiết kiệm là 800.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh và phần án phí.

Ngày 08/01/2024, nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T3, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/01/2024, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà N, T (Nguyễn Thị L2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quyết T6 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 17/01/2024, bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm,***

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà N, T (Nguyễn Thị L2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quyết T6 xin rút toàn bộ kháng cáo.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T4 trình bày đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng:

- Phía bị đơn không ý việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả thẩm định giá Công ty cổ phần Đ giá Hội Nhập tiến hành định giá phần nhà, đất để xác định tỷ lệ phân chia tại thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4. Bởi lẽ, bị đơn cũng yêu cầu công ty thẩm định giá trong vụ án này và cũng được Toà án nhân dân tỉnh Long An ra quyết định thẩm định giá. Vì nguyên đơn không đồng ý kết quả của Công ty TNHH T10 (Công ty T10) – công ty mà bị đơn yêu cầu, để từ đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận kết quả định giá của (Công ty T10), là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Do đó, bị đơn đề nghị áp dụng kết quả định giá của Công ty T10 để giải quyết vụ án hoặc cộng tài sản chia đôi để đảm bảo quyền lợi các bên trong vụ án này.

- Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên xử chia cho bà L được hưởng đối với số tiền 400.000.000 đồng cùng với phần tiền lãi phát sinh là có sai sót.

- Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức quản lý, gìn giữ tài sản của bà L trong quá trình chia tỷ lệ tài sản.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Ông Trần Quyết T6, là người đại diện theo ủy quyền của bà N, Thi L4 (Nguyễn Thị L2) đã rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà N, T (Nguyễn Thị L2).

- Ông Nguyễn Chí T3, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng

mặt; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P.

Về nội dung:

Căn cứ nhận định của bản án sơ thẩm, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T7 chỉ được hưởng phần di sản của ông T7 chết để lại đối với khoản tiền tiết kiệm là  $800.000.000 \text{ đồng} / 2 = 400.000.000 \text{ đồng}$  cùng với tiền lãi phát sinh không phải là đối với toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng cùng tiền lãi của khoản tiền này. Bên cạnh đó, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của bà L về việc chia đôi tài sản chung của vợ chồng đối với khoản tiền tiết kiệm là 800.000.000 đồng nhưng lại không tuyên chia cho bà L được hưởng đối với số tiền 400.000.000 đồng cùng với phần tiền lãi phát sinh là có thiếu sót. Theo đó, số tiền án phí cũng sẽ được điều chỉnh lại dựa trên giá trị mà các đương sự được hưởng cho đúng với quy định của pháp luật.

Như vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Mỹ L, chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An; Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T3, của bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L, của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà N, T (Nguyễn Thị L2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quyết T6 trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T3 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của người kháng cáo không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của

nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T3.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N, T (Nguyễn Thị L2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quyết T6 xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của đương sự là tự nguyện, đúng qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà N, Thi L4 (Nguyễn Thị L2) theo qui định tại khoản 3 Điều 284, điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì ông Bùi Đức T7 và bà Phạm Thị Mỹ L là vợ chồng hợp pháp từ khi kết hôn 15/6/2009 đến khi ông T7 chết ngày 28/9/2022 (Trích lục khai tử số 68/2022/TLKT ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), có con chung là cháu Bùi Ngọc Bích T5.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thừa nhận rằng, ông Bùi Đức T7 có cha mẹ chết trước ông T7 và có con ruột gồm: Bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T và cháu Bùi Ngọc Bích T5. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Đức T7 có 07 người gồm bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T, bà Phạm Thị Mỹ L và cháu Bùi Ngọc Bích T5.

[2.2] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 567094, sổ vào sổ CS 14014 ngày 22/6/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Bùi Đức T7 đứng tên đối với thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, các đương sự yêu cầu căn cứ vào diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc thực tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất yêu cầu Tòa án chỉ định đơn vị định giá. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành chỉ định Công ty cổ phần Đ tiến hành định giá phần nhà, đất tại thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4 nêu trên với sự chứng kiến của hai bên đương sự. Tại Chứng thư thẩm định giá số 2023062.IVC-CT ngày 29/6/2023 thì nhà, đất tại thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4 có giá 4.828.478.000 đồng.

Ngày 22/8/2023, đại diện của bị đơn yêu cầu định giá lại nhà, đất tại thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4 và tự yêu cầu Công ty TNHH T10 thực hiện. Tại Chứng

thư thẩm định giá số 09230044/2023/CT-MHD ngày 12/9/2023 của Công ty TNHH T10 thì nhà đất trên có giá 4.361.546.000 đồng. Tuy nhiên, đại diện của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận giá do Công ty TNHH T10 thẩm định; cần lấy giá theo Chứng thư thẩm định giá số 2023062.IVC-CT ngày 29/6/2023 của Công ty cổ phần Đ làm cơ sở giải quyết vụ án.

Mặt khác, ông Bùi Đức T7 có khoản tiền gửi tiết kiệm là 800.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H1, Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng G tại Sổ tiết kiệm, có số tài khoản 06318720003. Bên cạnh đó, số tiền này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung giữa ông T7 và bà L.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần nhà, đất thuộc thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An và khoản tiền gửi tiết kiệm là 800.000.000 đồng và lãi suất phát sinh gửi tại Ngân hàng TMCP S – Phòng G là tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T7 và bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Các nguyên đơn cho rằng phần nhà, đất thuộc thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông Bùi Đức T7 nhưng không có tài liệu chứng minh trong khi tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T7 và bà L. Vì thế, nhà, đất thuộc thửa đất 5909 được xác định là tài sản chung của ông T7 và bà L; đồng thời không ai chứng minh được phần công sức đóng góp nhiều hơn nên áp dụng Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chia đôi phần tài sản trên, bà L được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản, phần di sản của ông T7 để lại là  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất nhà, đất thuộc thửa đất 5909 là  $4.828.478.000 \text{ đồng} / 2 = 2.414.239.000 \text{ đồng}$ .

Các nguyên đơn là người nước ngoài nên không đủ điều kiện nhận nhà, đất tại Việt Nam theo Điều 5, 186 Luật Đất đai năm 2013 và tại phiên toà các nguyên đơn đồng ý giao nhà, đất nêu trên cho bà L, cháu T5; đại diện bị đơn cũng đồng ý nhận nhà, đất nên cần giao toàn bộ tài sản nhà, đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 567094, số vào sổ CS 14014 ngày 22/6/2022 cho bà Phạm Thị Mỹ L và cháu Bùi Ngọc Bích T5 (do bà L đại diện) được quyền sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bà Phạm Thị Mỹ L có công sức đóng góp, gìn giữ nhà, đất thuộc thửa đất 5909; nên căn cứ theo Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao công bố theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao có cơ sở tính công sức đóng góp của bà L tương đương với một suất thừa kế. Do đó,  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất

nhà, đất thuộc thửa đất 5909 được chia làm 8 phần, gồm 7 phần thừa kế và một phần là công sức đóng góp.

Bà L (cá nhân và người đại diện cho cháu T5) có trách nhiệm giao lại kỷ phần thừa kế bằng tiền cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T7 như sau:

- Tổng giá trị tài sản:  $4.828.478.000 \text{ đồng} / 2 = 2.414.239.000 \text{ đồng} / 8 = 301.779.875 \text{ đồng/người}$ .

Các nguyên đơn ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T đã tự nguyện tặng cho toàn bộ cho bà P1 Thi Lan Phuong nên cần buộc bà Phạm Thị Mỹ L giao cho bà P1 Thi Lan Phuong số tiền 1.508.899.375 đồng.

- Số tiền  $800.000.000 \text{ đồng} / 2 = 400.000.000 \text{ đồng} / 7 = 57.142.857 \text{ đồng/người}$  cùng tiền lãi phát sinh.

[2.4] Như vậy, giá trị tài sản mà các đương sự được hưởng như sau:

- Bà Phạm Thị Mỹ L được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất nhà, đất thuộc thửa đất 5909 ( $4.828.478.000 \text{ đồng} / 2 = 2.414.239.000 \text{ đồng}$ ), nhận 400.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh (khoản tiền tiết kiệm là 800.000.000 đồng/2), nhận thừa kế từ ông Bùi Đức T7 bằng hiện vật là một phần nhà đất nêu trên, một phần là công sức đóng góp, nhận thừa kế từ khoản tiền tiết kiệm của ông T7, tương đương giá trị: 3.474.941.607 đồng.

$[2.414.239.000 \text{ đồng} + 400.000.000 \text{ đồng} + (301.779.875 \text{ đồng} / \text{người} \times 2) + 57.142.857 \text{ đồng}]$

- Cháu Bùi Ngọc Bích T5 nhận thừa kế từ ông Bùi Đức T7 bằng hiện vật là một phần nhà đất nêu trên, nhận thừa kế từ khoản tiền tiết kiệm của ông T7, tương đương giá trị :  $301.779.875 \text{ đồng} + 57.142.857 \text{ đồng} = 358.922.792 \text{ đồng}$ .

- Bà Puhakka Thi Lan P hưởng số tiền: 1.794.613.660 đồng.

$[(301.779.875 \text{ đồng} / \text{người} \times 5 \text{ người}) + (57.142.857 \text{ đồng} / \text{người} \times 5 \text{ người})]$

Do điều chỉnh giá trị tài sản mà các đương sự được hưởng nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính toán lại theo đúng với quy định của pháp luật.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T3 và kháng cáo của bà N, Thi L4 (bà Nguyễn Thị L2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quyết T6, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L; chấp nhận Quyết định kháng nghị số

06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Những người thuộc hàng thừa kế của ông Bùi Đức T7 được thừa kế bằng nhau đối với nhà, đất tại thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An nên phải chịu chi phí đo đạc, định giá, thẩm định ngang nhau.

Chi phí định giá lại theo Chứng thư thẩm định giá số 09230044/2023/CT-MHD ngày 12/9/2023 của Công ty TNHH T10 bị đơn phải chịu toàn bộ. Bà N, Thi L4 (bà Nguyễn Thị L2) phải chịu toàn bộ chi phí ban hành Chứng thư thẩm định giá số 547/18/12/2023/TĐG LA-BDS ngày 18/12/2023 của Công ty cổ phần T11.

[4] Về án phí dân sự:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N, Thi L4 (bà Nguyễn Thị L2) đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Đức T7 phải chịu án phí đối với phần giá trị kỷ phần được hưởng theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Miễn toàn bộ cho cháu Bùi Ngọc Bích T5, bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu án phí đối với giá trị được hưởng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà N, Thi L4 (bà Nguyễn Thị L2) đã trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ. Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của bà Puhakka Thi Lan P (do ông Nguyễn Chí T3 nộp thay) được sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Phạm Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 284, Điều 289, Điều 295, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao công bố theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Puhakka Thi Lan P, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí T3.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà N, Thi L4 (bà Nguyễn Thị L2) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quyết T6.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Mỹ L.

[3] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L2 (N, T).

[4] Bà Phạm Thị Mỹ L và cháu Bùi Ngọc B Trâm được toàn quyền theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất 5909, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG 567094, số vào sổ CS 14014 ngày 22/6/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Bùi Đức T7 đứng tên.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

[5] Đối với số tiền 800.000.000 đồng trong Sổ tiết kiệm có số tài khoản 06318720003 do ông Bùi Đức T7 (số CCCD/CMND/HC: 034047000878 cấp ngày 27/01/2022) đứng tên tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh H1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Phạm Thị Mỹ L được hưởng đối với số tiền 400.000.000 đồng cùng với phần tiền lãi phát sinh trong Sổ tiết kiệm nêu trên.

Bà Puhakka Thi Lan P được hưởng 05 phần (bao gồm gốc và lãi); bà Phạm Thị Mỹ L và cháu Bùi Ngọc B T5 được hưởng 02 phần (bao gồm gốc và lãi) đối với số tiền 400.000.000 đồng trong Sổ tiết kiệm nêu trên.

[6] Buộc bà Phạm Thị Mỹ L hoàn trả cho bà Puhakka Thi L3 Phuong số tiền 1.508.899.375 đồng (một tỷ, năm trăm lẻ tám triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

[7] Về chi phí tố tụng:

[7.1] Buộc bà Puhakka Thi Lan P phải chịu 13.942.858 đồng (đã nộp xong).

[7.2] Buộc bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 5.577.142 đồng để hoàn trả lại cho bà Puhakka Thi Lan P đã tạm ứng trước.

[7.3] Buộc bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 26.500.000 đồng (đã nộp xong).

[7.4] Buộc bà Nguyễn Thị L2 (N, Thi L4) phải chịu 24.000.000 đồng (đã nộp xong).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Miễn toàn bộ cho bà Nguyễn Thị L2 (N, T).

[8.2] Miễn toàn bộ cho cháu Bùi Ngọc Bích T5.

[8.3] Buộc bà Puhakka Thi Lan P phải chịu 65.838.410 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 26.750.000 đồng mà bà Puhakka Thi Lan P, ông Bui A, bà Bui Thi Le T1, ông Bui Thanh T2, ông Bui Thanh T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003544, số 0003546, số 0003547, số 0003548, số 0003545 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà Puhakka Thi Lan P còn phải nộp tiếp số tiền 39.088.410 đồng.

[8.4] Buộc bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu 101.498.832 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 11.143.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005637 ngày 19/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền 90.355.832 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[9.1] Miễn toàn bộ cho bà Nguyễn Thị L2 (N, T).

[9.2] Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng của bà Puhakka Thi Lan P (do ông Nguyễn Chí T3 nộp thay) đã nộp theo Biên lai thu số 0000141 ngày 15/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An được sung vào công quỹ Nhà nước.

[9.3] Bà Phạm Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho bà L theo Biên lai thu số 0000155 ngày 30/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hồng**

**Trần Ngọc Tuấn**

**Nguyễn Đắc Minh**